TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2022.
Về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Văn Ghên.

2. bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: số 183/12/4 T, Phường 4, Quận 5, Thành phố H

Địa chỉ tạm trú: ấp M1, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: ông Thái Hoàng D – Luật sư, Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa B, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt)

2. Bị đơn: ông Huỳnh B, sinh năm 1972 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: số 183/12/4 T, Phường 4, Quận 5, Thành phố H

Địa chỉ tạm trú: ấp M1, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/2/2022 do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T ký tên và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị T trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Huỳnh B có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi vào năm 1999 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 5, Thành phố H vào ngày 24/9/1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên bà và ông B ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh B.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Gia D, sinh ngày 07/8/2000 (đã trưởng thành) và Huỳnh Gia K, sinh ngày 03/7/2007. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Gia K và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà T trình bày, tài sản chung của bà và ông B có diện tích đất 300m^2, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện nay diện tích đất này đã được qui hoạch do nằm trong đường điện cao thế, đang được các cơ quan chức năng tiến hành lập thủ tục bồi thường nên tài sản này bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông B xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh B trình bày tại phiên tòa: ông thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về tình cảm vợ chồng thì ông B thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau. Nay bà T kiên quyết xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: ông B trình bày, con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và ông không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông B xác định tài sản chung của ông và bà T có diện tích đất 300m^2, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện nay diện tích đất này đã được qui hoạch do nằm trong đường điện cao thế, đang được các cơ quan chức năng tiến hành lập thủ tục bồi thường nên khi ly hôn ông có yêu cầu chia đôi tài sản này với bà T.

Về nợ chung: Ông B xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật sư Thái Hoàng D bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà T phát biểu: Tại tòa, các đương sự đã thống nhất với nhau về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] .Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án "*Ly hôn*" là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh B có đăng ký tạm trú tại ấp M1, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.vụ

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Huỳnh B nên bà T được xác định là nguyên đơn, ông Huỳnh B là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà T cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà và ông B nên quan hệ hôn nhân giữa bà với ông B là hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình trạng hôn nhân: Xét hôn nhân giữa bà T và ông B trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, bà T xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà T và ông B đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có thời gian ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, bà T vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với ông B. Tại phiên tòa, ông B đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông B xác định có 02 con chung là Huỳnh Gia D, sinh ngày 07/8/2000 (đã trưởng thành) và Huỳnh Gia K, sinh ngày 03/7/2007. Khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi cháu Gia K và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông B, ông B xác định việc nuôi con sẽ theo nguyện vọng của con chung. Mặt khác, tại lời khai của cháu Gia K, cháu xin được sống với bà T khi bà T và ông B ly hôn với nhau nên tôn trọng theo nguyện vọng của cháu Gia K, cần giao cháu Gia K cho bà T trực tiếp nuôi

dưỡng khi bà T và ông B ly hôn với nhau, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung: bà T và ông B xác định có diện tích đất 300m^2, tọa lạc tại ấp M1, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện nay diện tích đất này đã được qui hoạch do nằm trong đường điện cao thế, đang được các cơ quan chức năng tiến hành lập thủ tục bồi thường. Khi ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà và ông B tự thỏa thuận.

Đối với ông B, ông có trình bày có yêu cầu chia đôi tài sản trên với bà T nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không có đơn phản tố chia tài sản chung cũng như không cung cấp tài liệu chứng minh cho yêu cầu của ông. Mặt khác, bà T và ông B xác định hiện nay, diện tích đất này đang nằm trong qui hoạch của đường điện cao thế, cơ quan chức năng đang làm thủ tục bồi thường nên không có cơ sở xem xét yêu cầu chia tài sản chung của ông Huỳnh B. Tại phiên tòa ông B đồng ý tự thỏa thuận chia tài sản chung này với bà T khi có quyết định được nhận tiền bồi thường của cơ quan chức nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: bà T và ông B thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên không tự thỏa thuận được về phần tài sản chung cũng như thay đổi nuôi con chung và cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về "*xin ly hôn*" đối với ông Huỳnh B.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh B.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Huỳnh Gia K, sinh ngày 03/7/2007. Ông Huỳnh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì bà T không yêu cầu, đối với con chung tên Huỳnh Gia D, sinh ngày 07/8/2000 (đã trưởng thành).

Các bên được quyền tới lui thăm non và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009712 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà T không phải nộp tiếp.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Uỷ ban nhân dân Phường 4, quận 5, Tp.H.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Tài